

# DANH SÁCH CA THI TOEFL PRIMARY 2016 - HUẾ

Địa điểm: Trường THCS Nguyễn Tri Phương, 63 Tổ Hữu, Huế

**\* Thí sinh có mặt trước giờ thi 30 phút, mang theo giấy Khai sinh photo (không cần công chứng)**

| STT No. | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày/tháng/năm sinh<br>Date of birth<br>dd/mm/yyyy | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Phòng Thi  | Ca Thi           |
|---------|------------------------|--------|----------------------------------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|------------|------------------|
| 1       | Hoàng Ngọc Nhật        | Huy    | 03-08-2006                                         | 62000030    | 4/4          | 4             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 2       | Nguyễn Ngọc Bảo        | Trần   | 18-06-2006                                         | 62000028    | 4/4          | 4             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 3       | Trần Quang             | Hào    | 01-08-2005                                         | 62000051    | 5/3          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 4       | Nguyễn Viết Thủy       | Hương  | 26-05-2005                                         | 62000055    | 5/3          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 5       | Nguyễn Phước Khánh     | Minh   | 10-04-2005                                         | 62000060    | 5/3          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 6       | Tôn Thất Minh          | Đăng   | 14-09-2005                                         | 62000074    | 5/4          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 7       | Lê Bá Gia              | Huy    | 15-07-2005                                         | 62000076    | 5/4          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 8       | Nguyễn Lê Như          | Hòa    | 11-08-2005                                         | 62000089    | 5/5          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 9       | Lê Văn                 | Khoa   | 04-07-2005                                         | 62000090    | 5/5          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 10      | Đặng Trần Hữu          | Nghĩa  | 28-06-2005                                         | 62000092    | 5/5          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 11      | Hồ Mai Bảo             | Ngọc   | 05-12-2005                                         | 62000093    | 5/5          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 12      | Phan Hoàng Nam         | Nguyên | 23-02-2005                                         | 62000095    | 5/5          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 13      | Phan lê Minh           | Anh    | 24-03-2005                                         | 62000099    | 5/6          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 14      | Nguyễn Mai             | Khanh  | 02-03-2005                                         | 62000102    | 5/6          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 15      | Nguyễn Sỹ              | Long   | 16-02-2005                                         | 62000104    | 5/6          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 16      | Nguyễn Đình Hoàng      | Nhi    | 23-07-2005                                         | 62000107    | 5/6          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 17      | Nguyễn Phú             | Thịnh  | 04-11-2005                                         | 62000110    | 5/6          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 18      | Lê Trần Minh           | Thảo   | 28-08-2005                                         | 62000121    | 5/7          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 19      | Nguyễn Thanh           | Trà    | 03-11-2005                                         | 62000123    | 5/7          | 5             | Lê Lợi               | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |

| STT No. | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày/tháng/năm sinh<br>Date of birth<br>dd/mm/yyyy | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Phòng Thi  | Ca Thi           |
|---------|------------------------|--------|----------------------------------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|------------|------------------|
| 20      | Nguyễn Bảo             | Nguyên | 10-05-2007                                         | 62000125    | 3/2          | 3             | Nguyễn Trãi          | Huế              | Phòng số 1 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 21      | Lê Phước Thục          | Uyên   | 29-01-2005                                         | 62000130    | 5/3          | 5             | Nguyễn Trãi          | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 22      | Bùi Gia                | Hân    | 01-01-2006                                         | 62000132    | 4/3          | 4             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 23      | Nguyễn Bảo             | Khanh  | 23-03-2006                                         | 62000133    | 4/3          | 4             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 24      | Nguyễn Thảo            | Linh   | 10-03-2006                                         | 62000134    | 4/3          | 4             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 25      | Nguyễn Đắc             | Thông  | 18-01-2006                                         | 62000135    | 4/3          | 4             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 26      | Ngô Nam                | Trân   | 19-07-2006                                         | 62000136    | 4/3          | 4             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 27      | Lê Đông                | Du     | 27-05-2006                                         | 62000137    | 4/4          | 4             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 28      | Nguyễn Lê Đông         | Nhã    | 20-09-2006                                         | 62000139    | 4/4          | 4             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 29      | Lê Hoàng Minh          | Thư    | 16-02-2006                                         | 62000141    | 4/4          | 4             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 30      | Nguyễn Phương          | Anh    | 20-06-2005                                         | 62000142    | 5/3          | 5             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 31      | Nguyễn Ngọc Thùy       | Dương  | 02-01-2005                                         | 62000144    | 5/3          | 5             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 32      | Nguyễn Thị Thanh       | Hà     | 23-04-2005                                         | 62000145    | 5/3          | 5             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 33      | Huỳnh Nhật             | Khánh  | 26-06-2005                                         | 62000146    | 5/3          | 5             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 34      | Lý Gia                 | Linh   | 17-05-2005                                         | 62000147    | 5/3          | 5             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 35      | Ngô Thị Yến            | Nhi    | 29-04-2005                                         | 62000150    | 5/4          | 5             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 36      | Trịnh Hoàng Khánh      | Như    | 26-02-2005                                         | 62000151    | 5/4          | 5             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 37      | Nguyễn Phương          | Thảo   | 22-08-2005                                         | 62000152    | 5/4          | 5             | Phú Hòa              | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 38      | Phan Khắc Hải          | Bằng   | 12-01-2005                                         | 62000154    | 5/1          | 5             | Phường Đức           | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 39      | Lê Bá Minh             | Lộc    | 15-02-2005                                         | 62000156    | 5/1          | 5             | Phường Đức           | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 40      | Nguyễn Hoàng           | Long   | 21-12-2005                                         | 62000157    | 5/1          | 5             | Phường Đức           | Huế              | Phòng số 2 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 41      | Đoàn Trà               | My     | 26-05-2005                                         | 62000158    | 5/1          | 5             | Phường Đức           | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 42      | Nguyễn Thị Như         | Ý      | 03-08-2005                                         | 62000159    | 5/1          | 5             | Phường Đức           | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 43      | Mai Hoàng Lam          | Phương | 16-07-2005                                         | 62000162    | 5/2          | 5             | Phường Đức           | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45) |
| 44      | Nguyễn Phương          | Thùy   | 02-11-2005                                         | 62000165    | 5/3          | 5             | Phường Đức           | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45) |

| STT No. | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày/tháng/năm sinh<br>Date of birth<br>dd/mm/yyyy | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Phòng Thi  | Ca Thi             |
|---------|------------------------|--------|----------------------------------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|------------|--------------------|
| 45      | Lê Xuân Như            | Ý      | 18-09-2005                                         | 62000166    | 5/3          | 5             | Phường Đức           | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 46      | Nguyễn Thị Thu         | Thảo   | 29-04-2005                                         | 62000167    | 5/4          | 5             | Phường Đức           | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 47      | Nguyễn Minh            | Anh    | 10-12-2006                                         | 62000285    | 4/6          | 4             | Vĩnh Ninh            | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 48      | Nguyễn Hoàng Thế       | Kiệt   | 07-01-2005                                         | 62000287    | 5/1          | 5             | Vĩnh Ninh            | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 49      | Trương Nguyễn Nhã      | Hân    | 29-10-2005                                         | 62000543    | 5/2          | 5             | Vĩnh Ninh            | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 50      | Lê Duy                 | Khanh  | 13-10-2005                                         | 62000289    | 5/2          | 5             | Vĩnh Ninh            | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 51      | Nguyễn Ngọc Hà         | Phương | 28-01-2005                                         | 62000290    | 5/2          | 5             | Vĩnh Ninh            | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 52      | Phan Trần Anh          | Thư    | 05-01-2005                                         | 62000544    | 5/2          | 5             | Vĩnh Ninh            | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 53      | Tôn Thất Định          | Tường  | 21-02-2005                                         | 62000291    | 5/2          | 5             | Vĩnh Ninh            | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 54      | Võ Thụy Khánh          | Ngọc   | 21-12-2005                                         | 62000545    | 5/3          | 5             | Vĩnh Ninh            | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 55      | Đặng Trọng Ngọc        | San    | 30-05-2005                                         | 62000292    | 5/4          | 5             | Vĩnh Ninh            | Huế              | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 56      | Nguyễn Phúc Diệu       | Châu   | 03-04-2006                                         | 62000312    | 4/1          | 4             | Dạ Lê                | Hương Thủy       | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 57      | Nguyễn Thị Minh        | Thư    | 25-11-2006                                         | 62000319    | 4/1          | 4             | Dạ Lê                | Hương Thủy       | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 58      | Trần Thị Cẩm           | Châu   | 27-07-2005                                         | 62000326    | 5/1          | 5             | Dạ Lê                | Hương Thủy       | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 59      | Trần Nguyễn Thị        | Hằng   | 28-06-2005                                         | 62000330    | 5/1          | 5             | Dạ Lê                | Hương Thủy       | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 60      | Dương Lê Minh          | Hạnh   | 26-07-2005                                         | 62000331    | 5/1          | 5             | Dạ Lê                | Hương Thủy       | Phòng số 3 | Ca 1 (8g00-9g45)   |
| 61      | Bùi Thị                | Huế    | 22-10-2005                                         | 62000333    | 5/1          | 5             | Dạ Lê                | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 62      | Nguyễn Thị Mai         | Linh   | 20-03-2005                                         | 62000335    | 5/1          | 5             | Dạ Lê                | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 63      | Trần Đăng              | Ninh   | 03-02-2005                                         | 62000338    | 5/1          | 5             | Dạ Lê                | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 64      | Nguyễn Văn             | Tân    | 01-01-2005                                         | 62000340    | 5/1          | 5             | Dạ Lê                | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 65      | Nguyễn Lê Quốc         | Bảo    | 23-02-2007                                         | 62000358    | 3/3          | 3             | Số 1 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 66      | Nguyễn Võ Anh          | Thư    | 02-07-2007                                         | 62000368    | 3/4          | 3             | Số 1 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 67      | Mai Đình Khôi          | Nguyên | 24-05-2006                                         | 62000372    | 4/1          | 4             | Số 1 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 68      | Lê Ngọc Cẩm            | Tú     | 05-09-2005                                         | 62000384    | 5/1          | 5             | Số 1 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 69      | Phan Thị Bảo           | Trâm   | 13-07-2005                                         | 62000388    | 5/2          | 5             | Số 1 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |

| STT No. | Họ và tên<br>Full name |        | Ngày/tháng/năm sinh<br>Date of birth<br>dd/mm/yyyy | Số báo danh | Lớp<br>Class | Khối<br>Grade | Tên Trường<br>School | Quận<br>District | Phòng Thi  | Ca Thi             |
|---------|------------------------|--------|----------------------------------------------------|-------------|--------------|---------------|----------------------|------------------|------------|--------------------|
| 70      | Đỗ Lê Hoàn             | Vũ     | 23-08-2005                                         | 62000389    | 5/2          | 5             | Số 1 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 71      | Huỳnh Nguyên           | Vỹ     | 16-05-2005                                         | 62000390    | 5/2          | 5             | Số 1 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 72      | Nguyễn Lương Huy       | Hoàng  | 10-12-2005                                         | 62000393    | 5/4          | 5             | Số 1 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 73      | Hồ Thị Nhật            | Linh   | 01-05-2005                                         | 62000394    | 5/4          | 5             | Số 1 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 74      | Phạm Văn Quốc          | Hùng   | 16-07-2006                                         | 62000448    | 4/2          | 4             | Số 1 Thủy Châu       | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 75      | Võ Nguyễn Quỳnh        | Như    | 17-03-2006                                         | 62000449    | 4/2          | 4             | Số 1 Thủy Châu       | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 76      | Võ Xuân                | Nhi    | 24-04-2006                                         | 62000451    | 4/3          | 4             | Số 1 Thủy Châu       | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 77      | Dương Thị Thuý         | Trâm   | 28-03-2006                                         | 62000453    | 4/3          | 4             | Số 1 Thủy Châu       | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 78      | Lê Nguyễn Diệu         | Hiền   | 01-01-2006                                         | 62000417    | 4/1          | 4             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 79      | Lê Viết Bắc            | Bắc    | 29-12-2007                                         | 62000398    | 3/1          | 3             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 80      | Lê Trần Cẩm            | Tú     | 02-04-2007                                         | 62000402    | 3/1          | 3             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 1 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 81      | Phan Nguyễn Hạ         | My     | 01-04-2007                                         | 62000413    | 3/3          | 3             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 82      | Nguyễn Thanh           | Trúc   | 02-02-2007                                         | 62000416    | 3/3          | 3             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 83      | Trần Thị Bảo           | Anh    | 27-01-2006                                         | 62000418    | 4/1          | 4             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 84      | Hà Văn                 | Cường  | 16-04-2006                                         | 62000420    | 4/1          | 4             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 85      | Lê Nguyễn Khánh        | Long   | 26-11-2006                                         | 62000426    | 4/1          | 4             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 86      | Lê Phương              | Thảo   | 25-06-2006                                         | 62000430    | 4/1          | 4             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 87      | Phan Thị Minh          | Thư    | 25-01-2006                                         | 62000431    | 4/1          | 4             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 88      | Nguyễn Cửu Quỳnh       | Trâm   | 15-02-2006                                         | 62000433    | 4/1          | 4             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 89      | Dương Thúy             | Hiền   | 02-02-2005                                         | 62000437    | 5/1          | 5             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 90      | Nguyễn Trần Khánh      | Linh   | 25-11-2005                                         | 62000440    | 5/1          | 5             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 91      | Võ Hoàng Bảo           | Ngọc   | 06-03-2005                                         | 62000441    | 5/1          | 5             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 92      | Lê Quang Bảo           | Phú    | 16-07-2005                                         | 62000435    | 5/1          | 5             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 93      | Văn Hoàng Nguyên       | Phương | 24-04-2005                                         | 62000443    | 5/1          | 5             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 94      | Nguyễn Xuân            | Việt   | 20-12-2005                                         | 62000445    | 5/1          | 5             | Số 2 Phú Bài         | Hương Thủy       | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |

| STT No. | Họ và tên<br><i>Full name</i> |       | Ngày/tháng/năm sinh<br><i>Date of birth</i><br><i>dd/mm/yyyy</i> | Số báo danh | Lớp<br><i>Class</i> | Khối<br><i>Grade</i> | Tên Trường<br><i>School</i> | Quận<br><i>District</i> | Phòng Thi  | Ca Thi             |
|---------|-------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|----------------------|-----------------------------|-------------------------|------------|--------------------|
| 95      | Đặng Huyền                    | Vũ    | 28-11-2005                                                       | 62000446    | 5/1                 | 5                    | Số 2 Phú Bài                | Hương Thủy              | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 96      | Hồ Phi                        | Long  | 07-03-2005                                                       | 62000447    | 5/2                 | 5                    | Số 2 Phú Bài                | Hương Thủy              | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 97      | Nguyễn Thanh                  | Bình  | 20-09-2005                                                       | 62000456    | 5/2                 | 5                    | Thủy Dương                  | Hương Thủy              | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 98      | Trần Lê Nhật                  | Huy   | 19-07-2005                                                       | 62000498    | 5/1                 | 5                    | Khe Tre                     | Nam Đông                | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 99      | Nguyễn Trần Tuệ               | Nhi   | 19-03-2007                                                       | 62000500    | 3/1                 | 3                    | Trần Quốc Toàn              | Phong Điền              | Phòng số 2 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 100     | Nguyễn Đăng Trường            | Son   | 04-03-2007                                                       | 62000501    | 3/3                 | 3                    | Trần Quốc Toàn              | Phong Điền              | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 101     | Lê Thị Thúy                   | Ngân  | 08-04-2005                                                       | 62000507    | 5/2                 | 5                    | Vân Trinh                   | Phong Điền              | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 102     | Nguyễn Nhật                   | Minh  | 16/03/2005                                                       | 62000513    | 5                   | 5                    | Phú Mậu 2                   | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 103     | Tổng Phước Triệu Gia          | Minh  | 04/01/2005                                                       | 62000514    | 5                   | 5                    | Phú Mậu 2                   | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 104     | Nguyễn Phương Bảo             | Ngọc  | 26/04/2007                                                       | 62000516    | 3/2                 | 3                    | Phú Thượng 1                | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 105     | Nguyễn Thị Thanh              | Hiền  | 12/03/2006                                                       | 62000523    | 4/1                 | 4                    | Phú Thượng 1                | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 106     | Đặng Minh                     | Quân  | 09/12/2006                                                       | 62000525    | 4/1                 | 4                    | Phú Thượng 1                | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 107     | Trần Quang                    | Thiện | 11/05/2005                                                       | 62000527    | 5/1                 | 5                    | Phú Thượng 1                | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 108     | Nguyễn Đức Tuấn               | Minh  | 24/02/2005                                                       | 62000529    | 5/2                 | 5                    | Phú Thượng 1                | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 109     | Nguyễn Trần Mỹ                | Châu  | 07/09/2005                                                       | 62000530    | 5/3                 | 5                    | Phú Thượng 1                | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 110     | Đinh Nữ Đông                  | Nghi  | 17/03/2005                                                       | 62000531    | 5/3                 | 5                    | Phú Thượng 1                | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 111     | Nguyễn Đăng                   | Phôn  | 10/03/2005                                                       | 62000532    | 5/3                 | 5                    | Phú Thượng 1                | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 112     | Võ Thị Hải                    | Băng  | 2007                                                             | 62000533    | 3/2                 | 3                    | Vinh Xuân 1                 | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |
| 113     | Nguyễn Thị Khánh              | Linh  | 27-06-1905                                                       | 62000537    | 5/1                 | 5                    | Vinh Xuân 1                 | Phú Vang                | Phòng số 3 | Ca 2 (10g00-11g45) |